

Hà Nội, ngày **16** tháng **8** năm **2016**

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán kinh phí lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân tộc cho cán bộ Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước năm 2016

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 84/2012/NĐ-CP, ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Thông tư 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 724/QĐ-UBDT ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao kế hoạch công tác năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-UBDT ngày 28/7/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBDT ngày 08/8/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc tổ chức lớp bồi dưỡng về công tác dân tộc cho cán bộ Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-UBDT ngày 12/8/2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt, ban hành chương trình bồi dưỡng về công tác dân tộc dành cho cán bộ làm công tác dân tộc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác dân tộc cho cán bộ Ủy ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng đất nước năm 2016 (Phụ lục 01 đính kèm).

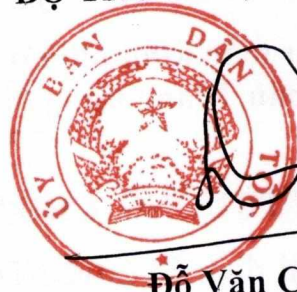
Điều 2. Căn cứ dự toán kinh phí được phê duyệt, Hiệu trưởng Trường Cán bộ Dân tộc tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Hiệu trưởng Trường Cán bộ Dân tộc và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ML*

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- Thứ trưởng, PCN Phan Văn Hùng;
- Công TTĐT UBĐT;
- Lưu: VT, KHTC (04). *12*

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Đỗ Văn Chiến

www.LuatVietnam.vn



**DỰ TOÁN KINH PHÍ
LỚP BỒI DƯỠNG VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC
CHO CÁN BỘ UBTW MẶT TRẬN LÀO XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số **441/QĐ-UBDT** ngày **16** tháng **8** năm 2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Định mức, Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I	Chi sinh hoạt phí (tiền ăn, tiêu vật, trang phục cá nhân, chi phí đi lại hàng ngày và tài liệu phục vụ học tập) 4.190.000đ/tháng/HV				246.120	TT120/2012/TT-BTC TT140/2014/TT-BTC
1	Tiền ăn và tiêu vật trang phục cá nhân, chi phí đi lại hàng ngày	người	20	12.150	243.000	Danh sách ký nhận
2	In, phô tô tài liệu cho học viên				3.120	Hóa đơn tài chính
2.1	Tài liệu tiếng Lào				2.048	Hóa đơn tài chính
	10 trang /CĐề x 20 CĐề x 24 = 4.800 trang (20 quyển cho HV + 1 quyển chứng từ + 1 quyển lưu ĐT + 1 quyển cho phiên dịch + 1 thviện = 24 quyển)	trang	4.800	0,32	1.536	
	Phô tô văn bản: Lịch học, phiếu học viên, kế hoạch đi NCTT, khai giảng, bế giảng,...(80 trang x 20 hv)	trang	1.600	0,32	512	
2.2	Tài liệu tiếng Việt (1 quyển chứng từ + 1 quyển lưu ĐT + 1 quyển cho phiên dịch +1 TV= 4 quyển) 20 trang /CĐề x 20 CĐề x 4 = 1.600 trang	trang	1.600	0,32	512	
2.3	In bìa, đóng quyển (tài liệu tiếng Việt, tiếng Lào)	quyển	28	20	560	
II	Hỗ trợ trang cấp cá nhân cần thiết ban đầu	học viên	20		62.300	TT120/2012/TT-BTC
1	Hỗ trợ quần áo	người	20	2.000	40.000	Tiền mặt (Danh sách kí nhận)

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Định mức, Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
2	Xô, chậu rửa cá nhân	chiếc	20	120	2.400	Hóa đơn tài chính
3	Chi phí chần màn cá nhân	người	20	995	19.900	Hóa đơn tài chính
III	Chi đào tạo				234.247	TT139/2010/TT-BTC
1	Chi giảng dạy				13.072	
1.1	Bồi dưỡng kiến thức về công tác dân tộc				8.000	
	Tiền giảng bài (GV là lãnh đạo cấp Bộ, GS, CVCC)	buổi	10	800	8.000	
	Tiền giảng bài (GV trong trường dạy)	buổi	66	0	0	
1.2	Bồi dưỡng kỹ năng thực hành Tin học(2 ngày x 2buổi				2.000	
	Tiền giảng bài	buổi	4	500	2.000	
1.3	Bồi dưỡng tiếng việt giao tiếp (2 ngày x 2 buổi = 4 buổi)				2.400	
	Tiền giảng bài	buổi	4	600	2.400	
1.4	Chi phí giảng dạy khác				672	
	Nước uống giảng viên	buổi	84	8	672	
2	Thực tập môn học				40	
2.1	Ra đề kiểm tra (thu hoạch)				0	GV trong trường thực hiện
2.2	Chấm bài kiểm tra (thu hoạch)				0	GV trong trường thực hiện
2.3	Nước uống Hội đồng chấm,	Người	5	8	40	

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Định mức, Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
3	Chi hành chính				20.020	TT120/2012/TT-BTC
3.1	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học (A0, A4, bút viết, ...)				1.500	
3.2	Chi văn phòng phẩm HV	người	20	30	600	
3.3	In thẻ HV	cái	20	35	700	
3.4	Nước uống học viên trên lớp 42 ngày x 20HV	người	840	8	6.720	
3.5	Mua Bảo hiểm thân thể (3 tháng)	người	20	225	4.500	Báo giá
3.6	Chi khám chữa bệnh thông thường, mua thuốc				4.000	Hóa đơn tài chính
3.7	Chi tiền mua dụng cụ thể thao				2.000	Hóa đơn tài chính
4	Thuê phòng học, hội trường, phòng ở cho học viên				157.005	Báo giá
4.1	Thuê phòng ở cho học viên (có điều hoà, nóng lạnh, vệ sinh khép kín)(từ 3 đến 4 người trên 1 phòng) 5 phòng x 3 tháng	phòng/tháng	15	6.667	100.005	Theo mức báo giá thấp nhất
4.2	Thuê phòng học (phòng học có điều hoà,, thiết bị âm thanh, ánh sáng, bàn ghế, máy chiếu)	ngày	40	1.200	48.000	Theo mức báo giá thấp nhất
4.3	Thuê phòng máy học tin học	ngày	2	2.000	4.000	Theo mức báo giá thấp nhất
4.4	Thuê hội trường khai giảng, bế giảng	buổi	2	2.500	5.000	Theo mức báo giá thấp nhất
5	Chi khai giảng, bế giảng				30.900	Hóa đơn tài chính
5.1	Chi ăn khai giảng, bế giảng: 45 suất x 2 buổi (20 HV,BTC lớp: 7 người, Đại biểu: 12 người, Phiên dịch: 1 người, Lãnh đạo trường, các phòng, khoa: 5)	suất	90	180	16.200	Hóa đơn tài chính
5.2	Văn nghệ phục vụ khai giảng, bế giảng	buổi	2	4.000	8.000	Hóa đơn tài chính

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Định mức, Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
5.3	Chi mua hoa khai giảng, bế giảng (hoa bát, hoa đặt bực), nước uống				1.700	Hóa đơn tài chính
	- Hoa bát	bát	8	50	400	
	- Hoa lẵng	lẵng	2	500	1.000	
	- Nước uống	người	30	10	300	
	Maket khai giảng, bế giảng (tiếng Việt- Lào)	cái	2	2.500	5.000	
6	Chi ăn đón tiếp học viên đến VN	người	27	150	4.050	Hóa đơn tài chính
7	Chi hoa đón, tiễn học viên	bó	2	500	1.000	
8	Chi cuối khoá				8.200	
8.1	In chứng chỉ	chiếc	20	50	1.000	
8.2	Tặng phẩm kết thúc khoá học	học viên	20	300	6.000	Hóa đơn tài chính
8.3	Tiền khen thưởng	học viên	4	200	800	
8.4	Giấy khen	học viên	4	50	200	
8.5	Khung giấy khen	học viên	4	50	200	
IV	Chi phiên dịch, dịch tài liệu				94.200	TT120/2012/TT-BTC
1	Chi phiên dịch (phiên dịch làm việc 8tiếng/ngày) 40 ngày học trên lớp + 10 ngày đi thực tế + 6 ngày hoạt động khác (khai giảng, bế giảng, họp lớp, đón, tiễn HV, ôn tập, kiểm tra cuối khóa)	ngày	56	1.200	67.200	
2	Dịch tài liệu Việt - Lào, Lào - Việt phục vụ khai giảng, bế giảng và các văn bản khác)	trang	80	150	12.000	
3	Dịch đề cương bài giảng sang tiếng Lào 20 chuyên đề, trung bình mỗi chuyên đề 5 trang	trang	100	150	15.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Định mức, Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
V	Nghiên cứu thực tế				72.950	TT120/2012/TT-BTC
1	Đi thực tế tại HN (5 ngày)				20.350	
1.1	Vòng hoa viếng Bác	vòng	1	750	750	
1.2	Thuê xe ô tô đi thực tế tại HN (Bảo tàng HCM, Lăng bác,UBDT; Làng VH; bảo tàng DT, K9)	ngày	5	2.500	12.500	Báo giá
1.3	Báo cáo viên (5 ngày mỗi ngày 1 báo cáo viên)	người	5	300	1.500	
1.4	Hướng dẫn viên: Làng VH (2người); Bảo tàng HCM (2người); Lăng Bác (1người); Bảo tàng DT (2người); K9 (1người)	người	8	200	1.600	
1.5	Vé tham quan Bảo tàng DT	người	25	40	1.000	
1.6	Vé tham quan làng văn hóa	người	25	30	750	
1.7	Nước uống (25 người x 5 ngày)	người	125	10	1.250	
1.8	Công tác phí cho cán bộ đưa đoàn đi làng VH, K9 (5 người x 2 ngày = 10 người)	người	10	100	1.000	
2	Đi thực tế tại Nghệ An (5 ngày)				52.600	Thành phố Vinh, Cửa lò, Nghĩa đàn, Nam Đàn, Quỳnh Hợp
2.1	Thuê ô tô	ngày	5	4.400	22.000	Báo giá
2.2	Thuê phòng ngủ (4 đêm x 12 phòng)	phòng	48	450	21.600	Hóa đơn tài chính
2.3	Nước uống (25 người x 5 ngày)	người	125	10	1.250	
2.4	Báo cáo viên	báo cáo	3	300	900	
2.5	Hướng dẫn viên	người	3	200	600	
2.6	Vé tham quan (tạm tính)	người	25	100	2.500	
2.7	Công tác phí cho cán bộ theo đoàn (5 người x 5 ngày)	người	25	150	3.750	

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Định mức, Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
VI	Chi phí đi lại đưa đón đoàn học viên				156.000	TT120/2012/TT-BTC
1	Vé máy bay hãng Việt Nam Airline	vé	40	3.800	152.000	Báo giá
2	Xe đón bạn từ Sân bay Nội Bài	chuyến	2	2.000	4.000	Báo giá
VII	Chi Ban tổ chức lớp				2.000	
	- Chi tổ chức và quản lý lớp	người	8	150	1.200	
	- Hỗ trợ điện thoại	người	8	100	800	
VIII	Dự phòng khác				2.183	
	TỔNG CỘNG				870.000	

Bảng chú:

Tám trăm bảy mươi triệu đồng chẵn